

MỘT SỐ BIỆN PHÁP VẬN DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG NÂNG CAO NĂNG LỰC THIẾT KẾ DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

PHẠM THỊ HUYỀN
Trường Đại học Tân Trào

Nhận bài ngày 10/11/2025. Sửa chữa xong 30/12/2025. Duyệt đăng 16/01/2026.

Abstract

This article proposes several measures for applying artificial intelligence (AI) to enhance instructional design competence in Vietnamese language teaching at the primary level for students majoring in Primary Education at Tan Trao University. For each sub-competency, the study provides detailed descriptions and illustrative examples of how AI tools can be integrated to support the development of instructional design skills. These sub-competencies include lesson preparation, lesson planning and design, identification of learning objectives, and the design of key instructional activities. By integrating AI into the training process, students—future primary school teachers—are provided with opportunities to refine and strengthen their instructional design competence in the context of digital transformation. The proposed measures contribute to improving the quality of primary teacher education at Tan Trao University and to enhancing the overall quality of primary education professionals in society.

Keywords: Artificial intelligence (AI), instructional design competence, Primary Education, students, Vietnamese language subject.

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ XXI - kỷ nguyên của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành một trong những động lực quan trọng nhất thúc đẩy sự thay đổi của giáo dục toàn cầu. Trên thế giới, nhiều quốc gia đã sớm nhận ra tầm quan trọng của AI từ những năm đầu thế kỷ XXI và coi đây là công cụ chiến lược để nâng cao chất lượng dạy và học. Các tổng quan lớn như của Smart Learning Environments (2024) cho thấy hệ sinh thái nghiên cứu AIED đã mở rộng nhanh chóng với nhiều hướng tiếp cận, song vẫn thiếu sự thống nhất về khung năng lực AI dành cho giáo viên (GV). Tiếp đó, nhóm tác giả Tan và Cheng (2025), khi phân tích 95 nghiên cứu giai đoạn 2015-2024, nhận định rằng phần lớn công trình tập trung vào ứng dụng AI trong dạy học (chấm điểm tự động, phân tích học tập, trợ lý ảo...), trong khi nghiên cứu về phát triển năng lực sư phạm gắn với AI còn hạn chế [11].

Tại Việt Nam, nhóm tác giả Trần Thị Hạnh Phương, Châu Thị Kim Ngân (2024) đã bước đầu đề xuất một số vận dụng AI trong hoạt động dạy Ngữ văn tại trường phổ thông [13]. Tác giả Châu Thị Hồng Như (2024) [7] và nhóm tác giả An Biên Thùy Nguyễn Thị Lan Ngọc, Trịnh Thị Phương Thảo (2024) cùng hướng nghiên cứu về đề xuất khung năng lực số cho sinh viên sư phạm (SVSP) ở trường đại học tại Việt Nam để đáp ứng nguồn đào tạo giáo viên (GV) thế hệ mới cho xã hội [1]. Năm 2025, nghiên cứu của tác giả Phạm và Dang (2025) cho thấy giảng viên và SV đại học đã bước đầu sử dụng AI để hỗ trợ tạo học liệu và kiểm tra, đánh giá nhưng năng lực AI còn ở mức cơ bản, chưa ảnh hưởng rõ rệt đến chất lượng dạy - học [9]. Trong khi đó, nhóm tác giả Tuan, Khuyen và Thanh (2025) nghiên cứu về năng lực AI của GV phổ thông chỉ ra rằng phần lớn GV chưa được đào tạo chính quy về AI, thiếu tài nguyên chuyên môn, và cần có chương trình bồi dưỡng phù hợp với đặc thù giáo dục Việt Nam [12]. Cũng trong năm

Email: PTHuyen@tqu.edu.vn

2025, nhóm tác giả An Biên Thùy, Hà Văn Dũng, Trịnh Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Lan Ngọc, Phạm Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga đã nghiên cứu và đề xuất khung năng lực số cho SVSP. Từ đây nhóm tác giả bước đầu đề xuất một số nhóm giải pháp phát triển năng lực số cho SVSP nói chung [2].

Tổng hợp các công trình nghiên cứu trên cho thấy, trên thế giới, các công trình hiện chủ yếu mô tả xu hướng hoặc khảo sát nhận thức, thiếu nghiên cứu thực nghiệm đánh giá tác động cụ thể của AI đối với năng lực sư phạm. Ở Việt Nam, phần lớn nghiên cứu hiện mới tập trung ở bậc đại học và trong lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, chưa xem xét SVSP tiểu học như một nhóm đối tượng riêng biệt, trong khi đây là lực lượng GV tương lai trực tiếp thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 là chương trình vốn đòi hỏi năng lực công nghệ và đổi mới phương pháp dạy học. Do đó, việc đề xuất một số biện pháp ứng dụng AI trong rèn luyện và nâng cao năng lực thiết kế dạy học cho SVSP tiểu học vừa là nhu cầu cấp thiết vừa là hướng phát triển quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Tác giả tiến hành thu thập, phân tích và tổng hợp các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến: ứng dụng AI trong giáo dục, đặc biệt là trong dạy học đại học với SVSP; Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực định hướng phát triển năng lực; Xu hướng chuyển đổi số trong đào tạo GV tiểu học. Trên cơ sở đó, bài báo hệ thống hóa cơ sở lý luận, làm rõ vai trò và đề xuất một số biện pháp sử dụng AI trong nâng cao năng lực thiết kế dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học cho SV ngành Giáo dục tiểu học (GDTH).

2.2. Phương pháp phân tích

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp phân tích nhằm làm rõ những ưu điểm, vai trò và khả năng ứng dụng AI trong nâng cao năng lực thiết kế dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học cho SV ngành GDTH. Từ đó đề xuất một số biện pháp sử dụng AI trong nâng cao năng lực thiết kế dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học cho SV ngành GDTH, Trường Đại học Tân Trào.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Trí tuệ nhân tạo và vai trò của trí tuệ nhân tạo trong dạy học

3.1.1. Trí tuệ nhân tạo

Trí tuệ nhân tạo (AI) là một ngành thuộc lĩnh vực khoa học máy tính nhằm mô tả chính xác các khía cạnh của xử lý trí tuệ và học tập để có được những tri thức và tạo ra được các hệ thống, máy mô phỏng hoạt động học và xử lý trí tuệ. Đây chính là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh của con người. Mục đích chính của AI là giúp máy tính có khả năng nhận thức, cảm nhận và hành động như con người. AI có khả năng suy nghĩ, lập luận để tự giải quyết các vấn đề, thực hiện giao tiếp và tự học, tự thích nghi như con người. AI trong giáo dục (AIED) manh nha ra đời vào khoảng những năm 1970 của thế kỷ. Thực tiễn dạy học hiện nay cho thấy, quá trình dạy học bước đầu đã có sự chuyển biến theo hướng tích cực khi ứng dụng những sản phẩm trí thông minh máy móc. Tuy nhiên, sử dụng AI cần hợp lý, đúng lúc, đúng chỗ chứ không nhằm mục đích “mô hình hóa” một cách hoàn hảo khả năng giao tiếp, trí thông minh của con người hay thay thế hoàn toàn vai trò của người dạy, người học.

3.1.2. Vai trò của AI trong quá trình dạy học cho sinh viên các trường đại học

Dưới đây là những vai trò nổi bật của AI trong quá trình dạy học [10].

a. Cá nhân hóa quá trình học tập

Một trong những điểm mạnh của AI là khả năng cá nhân hóa quá trình học tập cho từng SV. Trong môi trường đại học, SV có sự khác biệt rõ rệt về tốc độ học và phong cách học. AI có thể phân tích tiến độ học tập của từng SV và tự động điều chỉnh tài liệu, bài học, bài tập sao cho phù hợp với nhu cầu và

khả năng tiếp thu của họ. Điều này giúp SV học theo cách tốt nhất cho bản thân, không bị gò bó vào một lộ trình học chung. Các nền tảng học trực tuyến hoặc phần mềm học thông minh sử dụng AI có thể đề xuất các khóa học bổ sung, các tài liệu học tập hoặc bài tập nâng cao cho SV có năng lực tốt hơn, trong khi đó cung cấp các bài học dễ hiểu, giải thích rõ ràng cho những SV gặp khó khăn. Các công cụ này cũng có thể nhận diện điểm yếu của SV trong từng môn học và cung cấp các gợi ý học tập kịp thời.

b. Tự động hóa các công việc hành chính

Các hệ thống AI có thể tự động chấm bài tập, bài kiểm tra trắc nghiệm và thậm chí giúp giảng viên quản lý các cuộc thi trực tuyến. AI cũng có thể hỗ trợ trong việc theo dõi và phân tích sự tham gia của SV trong lớp học, từ đó giúp giảng viên phát hiện SV có dấu hiệu bỏ học hoặc cần sự hỗ trợ thêm.

c. Cung cấp phản hồi nhanh chóng và hiệu quả

AI có khả năng cung cấp phản hồi ngay lập tức cho SV sau khi hoàn thành bài tập hoặc bài kiểm tra. Thông qua các hệ thống tự động chấm điểm, SV có thể nhận được phản hồi tức thì về kết quả học tập của mình, giúp họ nhanh chóng nhận ra điểm mạnh và điểm yếu trong kiến thức.

d. Phát triển các phương pháp giảng dạy sáng tạo

AI có thể giúp giảng viên phát triển các phương pháp giảng dạy sáng tạo, đồng thời cung cấp những công cụ giúp bài giảng trở nên sinh động và dễ hiểu hơn. Các ứng dụng AI có thể tạo ra các mô phỏng, hình ảnh động, và video giúp minh họa các khái niệm khó hoặc xây dựng các bài học tương tác cho SV. Điều này không chỉ làm cho việc học trở nên thú vị hơn mà còn giúp SV hiểu rõ hơn về bản chất của vấn đề.

e. Tăng cường học tập trực tuyến và học từ xa

AI đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy học tập trực tuyến và học từ xa. AI hỗ trợ tạo ra các khóa học trực tuyến với các công cụ hỗ trợ học tập mạnh mẽ như chatbots, trợ lý ảo, và các hệ thống đánh giá tự động. AI cũng giúp quản lý các nền tảng học trực tuyến, tối ưu hóa lịch học, thông báo nhắc nhở và phân phối tài liệu học tập cho SV. Các lớp học trực tuyến sử dụng AI có thể cung cấp tài liệu học phong phú, bao gồm video, bài viết và mô phỏng, đồng thời cung cấp các bài kiểm tra trực tuyến để đánh giá sự tiến bộ của SV.

g. Tăng cường khả năng học tập hợp tác

Một trong những lợi ích của AI là khả năng hỗ trợ học tập hợp tác giữa SV, đặc biệt là trong các dự án nhóm hoặc các nghiên cứu khoa học. Các công cụ AI có thể giúp SV kết nối với nhau, chia sẻ tài liệu và ý tưởng, đồng thời theo dõi tiến độ của dự án nhóm. Hệ thống AI có thể đánh giá và phân tích sự đóng góp của từng thành viên trong nhóm, từ đó giúp GV hoặc giảng viên đánh giá công bằng mức độ tham gia và đóng góp của mỗi SV. AI cũng có thể đề xuất các nhóm học hợp tác phù hợp dựa trên kỹ năng và sở thích của các SV.

h. Hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm và nghề nghiệp

AI có thể hỗ trợ SV phát triển các kỹ năng mềm quan trọng như giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo và giao tiếp. Các ứng dụng AI có thể tạo ra các tình huống giả lập trong đó SV phải giải quyết các vấn đề thực tế, giúp họ phát triển kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp trong tương lai. Ví dụ, AI có thể tạo ra các bài học hoặc trò chơi mô phỏng các tình huống trong môi trường làm việc thực tế, từ đó giúp SV rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và ra quyết định [8].

i. Nâng cao sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên

AI cũng giúp tăng cường sự tương tác giữa SV và giảng viên, đặc biệt là trong môi trường học tập trực tuyến. Các công cụ AI như trợ lý ảo có thể giúp SV nhanh chóng giải đáp thắc mắc về bài học, cung cấp tài liệu bổ sung hoặc chỉ dẫn về cách giải quyết các vấn đề trong học tập. Điều này giúp SV không cảm thấy cô đơn trong quá trình học và tạo ra một môi trường học tập hỗ trợ.

3.2. Một số biện pháp vận dụng trí tuệ nhân tạo trong nâng cao năng lực thiết kế dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Tân Trào

Năng lực dạy học (NLDH) là một trong hai thành phần của năng lực sư phạm, được biểu hiện cụ thể qua 4 năng lực thành phần, bao gồm: Năng lực thiết kế dạy học; năng lực tiến hành dạy học, năng lực kiểm tra, đánh giá và năng lực quản lý dạy học. Trong đó năng lực thiết kế dạy học lại chia thành các năng lực nhỏ như: Năng lực chuẩn bị thiết kế, năng lực thiết kế...[14]. Bài viết đề xuất một số biện pháp vận dụng AI nhằm nâng cao năng lực thiết kế dạy học môn Tiếng Việt cho SV ngành GDTH như sau:

3.2.1. Năng lực chuẩn bị thiết kế bài học

Để có thể chuẩn bị cho SV có năng lực thiết kế dạy học được tốt, đòi hỏi giảng viên phải hướng dẫn SV hình thành và phát triển năng lực hiểu đối tượng HS lớp được phân công giảng dạy; năng lực nghiên cứu chương trình, kế hoạch đào tạo; xác định nội dung dạy học; năng lực thu thập giáo trình, tài liệu; năng lực nghiên cứu tài liệu...

Trong những năng lực kể trên, năng lực hiểu biết đối tượng (năng lực hiểu HS được phân công dạy) là một trong những năng lực quan trọng. Trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học, giảng viên cần hướng dẫn SV rèn luyện thật tốt năng lực này, biểu hiện cụ thể của năng lực hiểu đối tượng HS chính là xác định được khối lượng kiến thức HS đã có đối với bài học; mức độ, phạm vi lĩnh hội, khả năng hình thành các kỹ năng ở HS, từ đó sẽ xác định khối lượng kiến thức, năng lực mới cần học của HS.

3.2.2. Năng lực thiết kế bài học

a. Năng lực viết yêu cầu cần đạt của bài học

Để SV có kỹ năng viết yêu cầu cần đạt của bài học tốt, giảng viên cần hướng dẫn cụ thể cách xác định: các năng lực chung, các năng lực đặc thù và các phẩm chất được hình thành thông qua môn Tiếng Việt ở tiểu học, các năng lực và phẩm chất cụ thể nào có thể được hình thành thông qua từng hoạt động, từng bài học.

Yêu cầu của bài học cần hướng tới việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực, nhất là năng lực đặc thù của môn học. Với môn Tiếng Việt ở tiểu học, năng lực chung là: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực đặc thù là: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hóa; biết tạo lập các văn bản thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống [3, tr. 5].

Như vậy, sau khi đã nắm rất chắc về khung chương trình và các năng lực chung, năng lực đặc thù, phẩm chất cần đạt được qua bài học, người soạn bài cần biết tạo câu lệnh (viết Prompt) để huy động trợ lý AI thiết lập một bảng yêu cầu cần đạt khoa học, mạch lạc, rõ ràng và phù hợp với đối tượng HS mà mình dạy.

Ví dụ: Xác định yêu cầu cần đạt của bài đọc: Ngày hôm qua đâu rồi? [4] có thể viết Prompt như sau: *Bạn hãy đóng vai GV lớp 2 xác định yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù, năng lực chung và phẩm chất cần đạt được cho bài đọc: Ngày hôm qua đâu rồi? [4] theo chương trình Ngữ văn cấp tiểu học năm 2018.*

1. Yêu cầu cần đạt.

1. Năng lực đặc thù.

1.1. Năng lực ngôn ngữ.

- **Đọc:** (1) Đọc đúng, đọc trôi chảy, bước đầu biết đọc diễn cảm bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* Phát âm đúng các từ ngữ dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ. Nghỉ hơi đúng theo dấu câu và theo nghĩa; (2) Hiểu nghĩa của từ ngữ: *hôm qua, hôm nay, ngày mai, trôi qua, còn lại...* trả lời được các câu hỏi để hiểu bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* Hiểu nội dung chính của bài thơ: Thời gian rất đáng quý, cần làm việc, học hành chăm chỉ để không lãng phí thời gian.

- **Nói - nghe:** Giao tiếp, thảo luận, chia sẻ trao đổi với bạn về những việc em đã làm “ngày hôm qua”,

“ngày hôm nay”; Lắng nghe bạn nói, trả lời rõ ràng ý hỏi của GV.

1.2. Năng lực văn học

- Cảm nhận được ý nghĩa của bài thơ: thời gian trôi nhanh, mỗi ngày đều đáng quý, cần biết trân trọng và sử dụng thời gian có ích.

- Nhận ra vẻ đẹp của hình ảnh thơ giản dị, gần gũi với cuộc sống HS lớp 2; bước đầu biết bày tỏ cảm xúc cá nhân sau khi đọc bài thơ.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết kể lại những việc mình đã làm trong ngày để tự đánh giá xem mình đã sử dụng thời gian có hiệu quả chưa. HS tự đọc lại bài thơ ở nhà và luyện đọc tốt hơn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS chia sẻ với bạn trong hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết suy nghĩ xem “nếu em biết trân trọng thời gian hơn, em sẽ làm gì?”. HS có thể vẽ một bức tranh hoặc sáng tạo câu nói về ý nghĩa của thời gian.

3. Phẩm chất chủ yếu

- Chăm học, chăm làm: Hiểu rằng mỗi ngày trôi qua đều quý, từ đó cố gắng học tập và làm việc tốt hơn; Rèn tính ngăn nắp trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với thời gian của bản thân: biết hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng thời điểm; Biết giúp đỡ bạn khi làm việc nhóm.

- Nhân ái: Qua bài thơ, biết yêu quý những khoảnh khắc trong cuộc sống, trân trọng thời gian bên gia đình và bạn bè.

- Yêu thiên nhiên, biết trân trọng cuộc sống mỗi ngày, cảm nhận vẻ đẹp bình dị quanh mình.

Như vậy, SV có thể sử dụng AI để xác định yêu cầu cần đạt, tuy nhiên cần có kỹ năng tạo câu lệnh, tạo prompt chuẩn cho AI để có kết quả tốt, bám sát chương trình, SGK và đối tượng HS, phù hợp với đặc thù từng địa phương. Điều vô cùng quan trọng là bản thân SV phải có năng lực tự xác định yêu cầu cần đạt chuẩn cho từng bài học, từng nội dung thì mới có thể đánh giá được AI viết chính xác, đảm bảo và theo sát chương trình, SGK, nội dung, tương ứng từng khối lớp và xác định được đúng ảnh hưởng phương ngữ trong quá trình dạy học Tiếng Việt.

b. Năng lực xác định hoạt động dạy - học

Hoạt động dạy học thường bắt đầu từ hoạt động của người học, vì vậy năng lực này thể hiện ở việc xác định được những hoạt động của người học trong buổi học. Xác định được các hoạt động mà HS phải tiến hành cũng đồng nghĩa với xác định phương pháp dạy học (PPDH), vì mỗi hoạt động của HS cần có ít nhất một hoạt động tương ứng của GV để hướng dẫn, tổ chức, đánh giá các hoạt động này. Từ đó giảng viên cần hướng dẫn SV xác định các hoạt động chính của bài học theo bốn giai đoạn: hoạt động *Khởi động* (tạo hứng thú) - Hoạt động *Khám phá* - hoạt động *thực hành, luyện tập* - Hoạt động *Vận dụng*.

(1) Hoạt động Khởi động

Là hoạt động GV tổ chức, xây dựng môi trường học tập, chuẩn bị tâm thế cho học sinh để bắt đầu học môn Tiếng Việt. Là hoạt động vô cùng sôi nổi, hấp dẫn thu hút và tạo tâm thế cho HS vào bài học, có thể thực hiện thông qua trò chơi, hoạt động tay chân, đồ vui,... Hoạt động này cũng có thể ghép với việc kiểm tra về sự chuẩn bị của HS và giới thiệu về bài học mới. Ở phần này SV có thể sử dụng LLM (Large Language Model) để tạo khung giáo án phân hóa, để xuất hoạt động khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng và sản phẩm học tập. Hoặc sử dụng mapping gợi ý về mục tiêu chương trình với hoạt động học tập, đảm bảo cân bằng các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

Ví dụ 1: Bài đọc *Ngày hôm qua đâu rồi?* [4]. Giảng viên hướng dẫn SV sử dụng AI để xây dựng phần Khởi động bằng quan sát tranh, đọc mẫu, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK, luyện viết câu mô tả ngày trong tuần, Góc sáng tạo (tạo lịch cá nhân). Đây là ví dụ điển hình về tích hợp AI trong thiết kế dạy học,

giúp SV tiết kiệm thời gian và phân hoá hoạt động theo năng lực HS.

Ví dụ 2: Bàn tay cô giáo [5]. Với bài này, ở hoạt động khởi động (Có thể tổ chức HS hát mua theo video AI bài hát Cô giáo em và dẫn dắt hỏi học sinh: “Bạn nhớ gì nhất về các cô giáo đã dạy mình?” như trong SGK).

(2) Hoạt động Khám phá

Là hoạt động chính của bài học, GV hỗ trợ, dẫn dắt HS tích cực, tự chủ, tự lực khám phá ra bài học mới. Ở hoạt động Khám phá, vai trò của GV rất quan trọng. GV cần phải lên một kịch bản kế hoạch dạy học chi tiết, cẩn thận bao gồm tiến trình dạy học, phương pháp giảng dạy chủ yếu, hoạt động GV và HS, phương tiện dạy và đồ dùng dạy học, phân phối thời gian phù hợp và dự kiến các tình huống sư phạm để làm chủ tiến trình bài dạy, dẫn dắt HS khám phá được bài học một cách hấp dẫn, lí thú.

Ví dụ: Bài Bầu trời trong quả trứng [6]. Bài kể về gà con: khi còn trong quả trứng, chúng nhìn “bầu trời nâu” và sau khi nở, chúng được sống dưới “bầu trời xanh”. Bài yêu cầu HS quan sát tranh, đóng vai (phần Khởi động), đóng vai đóng kịch, tưởng tượng, kể tiếp, so sánh giữa “trong trứng” và “bên ngoài”. Phần này giảng viên có thể hướng dẫn SV sử dụng công cụ tạo hình ảnh (texttoimage) để vẽ hai cảnh tượng tương phản: “bầu trời nâu trong trứng” và “bầu trời xanh bên ngoài”, giúp HS hình dung rõ, kích thích tưởng tượng. Đồng thời, tổ chức thảo luận nhóm để HS luyện viết đoạn “kể tiếp” cho phần đóng vai, đưa ra gợi ý từ ngữ, cấu trúc câu, giúp các em mở rộng tưởng tượng một cách linh hoạt. Như vậy, các bài học được biến đổi thành hoạt động tích cực, sáng tạo, SV được phát triển năng lực thiết kế và tạo đồ dùng dạy học đồng thời.

(3) Hoạt động Luyện tập - Thực hành

Ở hoạt động này, GV giữ vai trò gợi mở, dẫn dắt HS theo từng nhiệm vụ được đưa ra từ thấp đến cao và hướng dẫn HS thực hiện theo trình tự các bước của bài học. Với môn Tiếng Việt ở tiểu học, việc thực hiện tốt hoạt động này đòi hỏi GV phải nắm chắc quy trình dạy học của từng nội dung: Quy trình dạy Học Vần tương ứng với các nhóm bài học (âm vần mới, luyện tập,...). Quy trình dạy Tập đọc lớp 123 khác với quy trình dạy Tập đọc lớp 4, 5; Quy trình dạy Luyện từ và câu (nhóm bài Hình thành kiến thức mới, nhóm bài luyện tập,...) Quy trình dạy nội dung viết chính tả, viết đoạn bài, dạy nội dung Nói và nghe.

Ví dụ 1: Bàn tay cô giáo [5]. Trong bài này, giảng viên có thể hướng dẫn SV có thể sử dụng công cụ texttospeech (TTS) để chuyển đoạn thơ/đoạn văn thành audio, giúp HS nghe - luyện cảm thụ ngôn ngữ, bật nhịp trước khi đọc thầm hoặc đọc thành tiếng. Sau đó, sử dụng công cụ speech recognition (ASR) để HS luyện đọc thành tiếng, AI nhận diện lỗi phát âm hoặc ngắt nhịp chưa phù hợp, từ đó hỗ trợ GV và HS điều chỉnh phát âm, ngắt nghỉ - rất hữu ích khi SGK có cấu trúc thơ hoặc văn có nhịp điệu đặc biệt. Ngoài ra, AI có thể cung cấp các câu hỏi bổ sung hoặc bài tập mở rộng (ví dụ: “Em thử tưởng tượng: nếu em là nhân vật trong bài, em sẽ cảm thấy như thế nào khi nhìn thấy cảnh biển xanh tươi đẹp hiện lên trong bài”), hỗ trợ hình thức dạy học chủ động, sáng tạo hơn so với chỉ đọc - hiểu đơn thuần.

(4) Hoạt động vận dụng

Mục đích là mang đến cơ hội để HS có thể gắn kết nội dung đã được học trên lớp vào các hoạt động thực tế của cuộc sống. *Ví dụ: Bài Bàn tay cô giáo* [5]. Trong bài này, giảng viên có thể hướng dẫn SV có thể sử dụng công cụ AI tạo các thẻ từ, tấm thiệp sau đó in ra để tổ chức cho HS tham gia hoạt động làm Cây tri ân thầy cô nhân dịp ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và tạo video AI về hoạt động thi đua học tập của lớp chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

Ngoài ra, điều quan trọng trong vận dụng AI chính là giảng viên cần trang bị cho SV sự vững vàng về năng lực chuyên môn để nhận biết và vận dụng AI một cách khoa học, chính xác, linh hoạt và hiệu quả. Không lạm dụng AI và không sử dụng hoàn toàn AI trong quá trình dạy học và để cao vai trò chủ thể của người dạy, vai trò tích cực của HS, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của đạo đức số với SV để phần đầu trở thành GV vừa giỏi chuyên môn, tâm huyết và đáp ứng vai trò của người GV trong kỷ nguyên số

4. Kết luận

Dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học

gắn bó chặt chẽ với công nghệ số, chuyển đổi số là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Để làm được điều đó đòi hỏi GV phải không ngừng nghiên cứu, đổi mới phương pháp dạy học, tích cực học tập chuyển đổi số, tự học và không ngừng học hỏi để nâng cao năng lực giảng dạy, năng lực sử dụng công nghệ số của bản thân nhằm giúp HS học tập tích cực, chủ động và sáng tạo, giờ học hấp dẫn, lôi cuốn và GV có thêm nhiều công cụ hỗ trợ hữu ích, thiết thực trong quá trình dạy học.

Vì vậy, để có những GV tiểu học tương lai “vừa hồng, vừa chuyên”, vừa có năng lực dạy học tốt, ứng dụng chuyển đổi số và AI vững vàng trong dạy học, đáp ứng tốt yêu cầu, vị trí nghề nghiệp của mình sau này thì ngay khi còn là SV trên giảng đường đại học, nhà trường sư phạm phải làm tốt vai trò giáo dục, từng bước rèn luyện, nâng cao năng lực dạy học, năng lực vận dụng công nghệ số, chuyển đổi số, ứng dụng AI trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV, đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực chuyên môn vững vàng cho SV, từ đó tạo ra những GV tiểu học tương lai vững vàng chuyên môn, vững chắc công nghệ và chuyển đổi số đáp ứng tốt nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Chú thích

(*) Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang, Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] An Biên Thùy, Nguyễn Thị Lan Ngọc, Trịnh Thị Phương Thảo (2024). *Đề xuất khung năng lực số cho sinh viên sư phạm tại Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục, 24(22), 1-6.
- [2] An Biên Thùy, Hà Văn Dũng, Trịnh Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Lan Ngọc, Phạm Thị Hồng Hạnh Nguyễn Thị Việt Nga (2025). *Phát triển năng lực số cho sinh viên sư phạm tại Việt Nam: Mô hình tiếp cận và giải pháp*. Tạp chí Giáo dục, 25(12), 1-6.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
- [4] Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Thị Kim Phượng (2025). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 2 (tập 1 và 2) - Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Thị Kim Phượng (2025). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 3 (tập 1 và 2) - Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [6] Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (chủ biên), Lê Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan (2025). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 (tập 1 và 2) - Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] Châu Thị Hồng Nhựt (2024). *Đề xuất khung năng lực số trong dạy học cho sinh viên sư phạm ở trường đại học*. Tạp chí Giáo dục, 24 (số đặc biệt 5), tr. 1-7.
- [8] Nguyễn Thị Hồng Vân (2023). *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp giảng dạy ở trường đại học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 19(4), 45-52.
- [9] Phạm, T. N., & Dang, T. X. (2025). *An investigation into the application of artificial intelligence for language teaching and learning in Vietnam*. Vietnam Journal of Education, 9(2), 265-283. <https://doi.org/10.52296/vje.2025.557>.
- [10] Phạm Minh Hạc (2021). *Giáo dục Việt Nam trước yêu cầu chuyển đổi số*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [11] Tan, X., & Cheng, G. (2025). *Artificial intelligence in teaching and teacher professional development: A systematic review*. Computers and Education: Artificial Intelligence, 8, Article 100355. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2024.100355>.
- [12] Tuan, K. M., Khuyen, M. T., & Thanh, N. T. (2025). *Developing AI literacy for teachers in Vietnam's schools: Challenges, strategies, and best practices*. International Journal of Education and Practice. <https://doi.org/10.18488/61.v13i4.4465>
- [13] Trần Thị Hạnh Phương, Châu Thị Kim Ngân (2024). *Vận dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*. Tạp chí Thiết bị giáo dục, tập 308, kỳ 01 tháng 3, tr. 176-178.
- [14] Vũ Xuân Hùng (2012). *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên*. NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.